

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2211/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 31 -5 - 2024

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ– Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2429/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2319/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2978/2024/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thu T (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Dương Vũ Quang L (Vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Lê Thu T trình bày: Bà và ông Dương Vũ Quang L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyền số 01/2004 ngày 13/02/2004. Cuộc sống chung hạnh phúc được 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên cãi nhau, ông L có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông L, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Vũ Quang L.

Về con chung: Có 02 con chung, tên Dương Lê Tiến Tr , sinh năm 2004 (đã trưởng thành) và Dương Lê Gia B, sinh ngày 01/6/2010. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Gia B, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Dương Vũ Quang L đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, ông L không gửi văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét.

Bà T có đơn đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ , quyền hạn, đúng quy định của pháp luật . Việc cấp tổng đạt , thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự . Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật . Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng : Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thu T, giao con chung tên Dương Lê Gia B, sinh ngày 01/6/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương Vũ Quang L không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thu T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thu T yêu cầu được ly hôn với ông L, ông L hiện cư trú tại thành phố Thủ Đức, nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thu T có đơn đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử. Ông Dương Vũ Quang L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà T là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/02/2004 cho ông Dương Vũ Quang L và bà Lê Thu T thì quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà T là hợp pháp.

[3.2] Quá trình chung sống giữa ông L và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp trong tính cách, quan điểm sống khác nhau nên hai đã sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng ông L vắng mặt không có lý do, không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông L và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung:

[4.1] Căn cứ giấy khai sinh số 184, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức cấp ngày 09/6/2010 có cơ sở xác định trẻ Dương Lê Gia B, sinh ngày 01/6/2010 là con chung của bà Lê Thu T và ông Dương Vũ Quang L.

[4.2] Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét, từ lúc hai vợ chồng sống ly thân đến nay, trẻ Bảo do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Vũ Quang L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề hôn nhân, con chung để Tòa án có cơ sở xem xét giải quyết. Do vậy để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, tình cảm cũng như thuận tiện trong việc học hành, sinh hoạt thường ngày thì cần thiết tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Lê Thu T khai không có.

[7] Xét, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thu T chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005637 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thu T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu T

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thu T được ly hôn với ông Dương Vũ Quang L.

2. Về con chung. Giao con chung tên Dương Lê Gia B, sinh ngày 01/6/2010 cho bà Lê Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Dương Vũ Quang L không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thu T chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005637 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thu T đã nộp đủ án phí

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

7. Ông Dương Vũ Quang L và bà Lê Thu T vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Thủ Đức
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Nhung

